

Hải phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Mã chứng khoán : DVP

Địa chỉ : Cảng Đình Vũ, P.Đông Hải, TP. Hải Phòng

Điện thoại : 0225 3769 993 Fax: 0225 376 9993

Email : Taichinh@dinhvuport.com.vn

Nội dung công bố:

- Công bố thông tin báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2025
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn <https://cangdinhvuvn.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thông báo website Công ty;
- Lưu: CBTT – CDV.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đoàn Minh Trung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 ngày 01 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 04 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	
Ông Cao Văn Tĩnh	Thành viên	
Ông Lê Minh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2025
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên	
Ông Chu Minh Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Triệu Thế Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Vũ Hoàng Lâm	Thành viên
Ông Cao Xuân Hợp	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Cao Văn Tĩnh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.103.077.911.668	1.291.745.252.469
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.104.765.950	27.281.383.279
111	1. Tiền		17.104.765.950	27.281.383.279
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.027.000.000.000	1.147.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.027.000.000.000	1.147.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		46.598.832.399	102.356.067.384
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	38.645.073.157	49.999.954.245
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.269.448.943	1.037.427.243
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.684.310.299	51.318.685.896
140	IV. Hàng tồn kho	8	10.554.171.521	13.121.452.967
141	1. Hàng tồn kho		10.554.171.521	13.121.452.967
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.820.141.798	1.986.348.839
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.820.141.798	1.986.348.839
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		319.702.981.089	347.404.124.817
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		77.986.000	92.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	77.986.000	92.986.000
220	II. Tài sản cố định		190.613.144.996	218.212.559.233
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	190.021.317.035	217.477.397.938
222	- Nguyên giá		1.354.486.939.050	1.354.486.939.050
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.164.465.622.015)	(1.137.009.541.112)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	591.827.961	735.161.295
228	- Nguyên giá		7.095.104.700	7.095.104.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.503.276.739)	(6.359.943.405)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.449.621.296	1.141.754.630
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.449.621.296	1.141.754.630
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	103.027.411.229	103.027.411.229
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		103.027.411.229	103.027.411.229
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.534.817.568	24.929.413.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	24.534.817.568	24.929.413.725
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.422.780.892.757	1.639.149.377.286

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		163.723.265.220	150.211.677.373
310	I. Nợ ngắn hạn		163.723.265.220	150.211.677.373
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	13.275.677.858	14.423.577.198
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		365.532.994	765.166.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	35.556.012.409	18.116.711.423
314	4. Phải trả người lao động		33.110.835.350	54.018.345.595
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	63.323.342	232.970.956
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	43.057.487.262	7.081.385.298
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	19.701.413.737	48.201.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18.592.982.268	7.372.520.110
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.259.057.627.537	1.488.937.699.913
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.259.057.627.537	1.488.937.699.913
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400.000.000.000	400.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		103.027.411.229	103.027.411.229
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		526.245.533.286	526.245.533.286
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		229.784.683.022	459.664.755.398
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		98.176.755.398	123.439.933.388
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		131.607.927.624	336.224.822.010
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.422.780.892.757	1.639.149.377.286

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	306.888.681.278	341.804.237.391
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		306.888.681.278	341.804.237.391
11	4. Giá vốn hàng bán	21	131.598.467.819	167.109.073.582
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		175.290.213.459	174.695.163.809
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	16.792.190.572	19.396.169.998
22	7. Chi phí tài chính		-	9.855.549
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	274.412.000	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	27.156.723.821	32.196.387.723
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		164.651.268.210	161.885.090.535
31	11. Thu nhập khác	25	106.514.426	20.559.974.681
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		106.514.426	20.559.974.681
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		164.757.782.636	182.445.065.216
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	33.149.855.012	36.545.711.962
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		131.607.927.624	145.899.353.254
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.290	3.647


 Lê Thị Hải Thành
 Người lập

 Đoàn Minh Trung
 Kế toán trưởng


 Cao Văn Tĩnh
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		164.757.782.636	182.445.065.216
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.452.599.319	29.882.293.567
03	- Các khoản dự phòng		(28.499.586.263)	(17.603.469.259)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		39.113.925	(185.455.408)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.825.937.384)	(38.074.390.548)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		148.923.972.233	156.464.043.568
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.626.234.366	(10.158.575.570)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.567.281.446	(2.065.530.995)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(26.005.264.798)	6.010.811.892
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		560.803.198	(5.607.469.634)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.648.415.669)	(26.560.520.422)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		140.220.000	5.400.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.260.942.924)	(33.626.652.050)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		90.903.887.852	84.461.506.789
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.622.217.259)	(35.089.015.351)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	20.547.055.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.007.000.000.000)	(1.149.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.127.000.000.000	1.145.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	24.798.900.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.359.686.124	33.591.729.776
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		178.737.468.865	39.848.669.425
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(279.874.870.000)	(100.017.025.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(279.874.870.000)	(100.017.025.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.233.513.283)	24.293.151.214

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.281.383.279	14.626.432.968
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		56.895.954	110.908.427
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	17.104.765.950	39.030.492.609


Lê Thị Hải Thành
Người lậpĐoàn Minh Trung
Kế toán trưởngCao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 ngày 01 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 04 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 406 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 414 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ hàng hải và cảng biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ kể cả khi dịch vụ chưa được xác định là đã cung cấp.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	216.288.540	153.883.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.888.477.410	27.127.499.399
	17.104.765.950	27.281.383.279

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	1.027.000.000.000	-	1.147.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	1.027.000.000.000	-	1.147.000.000.000	-
	1.027.000.000.000	-	1.147.000.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 09 tháng có giá trị 1.027.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	103.027.411.229	-	103.027.411.229	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (1)	103.027.411.229	-	103.027.411.229	-
	103.027.411.229	-	103.027.411.229	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải Đường Thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ với vốn điều lệ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (tỷ lệ biểu quyết là 50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01 tháng 08 năm 2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.550.000 USD). Tổng số vốn góp của Công ty là 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết. Tại ngày 04 tháng 09 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng quản trị.

Theo Nghị quyết số 01/2024/SITC/NQ-HĐTV ngày 17 tháng 04 năm 2024, Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ đã thực hiện giảm một phần vốn góp với số tiền 2.000.000 USD để hoàn trả cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty này. Sau các giao dịch trên, tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty đang sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ với số tiền 4.900.000 USD (tương đương 103.027.411.229 đồng). Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ, bốc xếp và vận tải hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.614.547.571	-	517.917.878	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	388.621.800	-	109.059.480	-
Dịch vụ hàng hải Phương Đông (ORIMAS) - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	198.779	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	850.607.278	-	62.404.041	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	359.386.305	-	346.255.578	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng (VOSA Hải Phòng)	15.932.188	-	-	-
Bên khác	37.030.525.586	-	49.482.036.367	-
SITC Container Lines Co., Ltd	18.648.248.792	-	38.657.905.546	-
Công ty Cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An	3.805.612.224	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	14.576.664.570	-	10.824.130.821	-
	38.645.073.157	-	49.999.954.245	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	507.073.500	-	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Hải Phòng	507.073.500	-	-	-
Bên khác	5.762.375.443	-	1.037.427.243	-
Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật tự động hóa Thành Đạt	-	-	163.020.000	-
Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Phú An	669.207.243	-	669.207.243	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ KTD	3.389.607.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển HDT	730.500.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	973.061.200	-	205.200.000	-
	6.269.448.943	-	1.037.427.243	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu lợi nhuận được chia	-	-	34.463.651.480	-
Phải thu về lãi tiền gửi	1.271.452.055	-	15.341.549.315	-
Phải thu người lao động	3.131.724	-	1.388.459.975	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	120.301.609	-	120.556.609	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	1.010.414	-	1.055.414	-
Tạm ứng	1.322.027	-	3.413.103	-
Phải thu khác	287.092.470	-	-	-
	1.684.310.299	-	51.318.685.896	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Ngân hàng TMCP	352.835.617	-	7.299.856.164	-
	Á Châu - Chi				
	nhánh Hải Phòng				
	Ngân hàng TMCP	220.356.164	-	1.988.602.740	-
	Sài Gòn - Hà Nội -				
	Chi nhánh Hải				
	Phòng				
	Ngân hàng TMCP	227.260.274	-	2.752.065.753	-
	Ngoại thương Việt				
	Nam - Chi nhánh				
	Hải Phòng				
	Ngân hàng TMCP	459.013.699	-	3.301.024.658	-
	Công thương Việt				
	Nam - Chi nhánh				
	Hải Phòng				
	Công ty TNHH	-	-	34.463.651.480	-
	Tiếp vận SITC -				
	Đình Vũ				
	Các đối tượng	424.844.545	-	1.513.485.101	-
	khác				
		<u>1.684.310.299</u>	<u>-</u>	<u>51.318.685.896</u>	<u>-</u>
b)	Dài hạn				
b.1)	Chi tiết theo nội dung				
	Phải thu người	77.986.000	-	92.986.000	-
	lao động về bồi				
	thường tổn thất				
		<u>77.986.000</u>	<u>-</u>	<u>92.986.000</u>	<u>-</u>
b.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Phạm Ngọc Tiến	63.986.000	-	71.486.000	-
	Hoàng Trường	14.000.000	-	21.500.000	-
		<u>77.986.000</u>	<u>-</u>	<u>92.986.000</u>	<u>-</u>
c)	Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	Công ty TNHH	-	-	34.463.651.480	-
	Tiếp vận SITC -				
	Đình Vũ				
		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.463.651.480</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	782.832.066	-	735.134.801	-
Công cụ, dụng cụ	9.771.339.455	-	12.386.318.166	-
	10.554.171.521	-	13.121.452.967	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	814.221.296	647.554.630
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động kho chứa hàng số 1	137.592.593	137.592.593
- Dự án kho bãi tại khu vực Lạch Huyện - Cát Hải	327.222.222	327.222.222
- Tư vấn, thẩm tra cầu tàu số 1	182.739.815	182.739.815
- Cải tạo nhà chờ công nhân thành Trung tâm điều hành khai thác cảng	166.666.666	-
Mua sắm tài sản cố định	635.400.000	494.200.000
- Phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương	635.400.000	494.200.000
	1.449.621.296	1.141.754.630

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	472.246.305.964	726.283.229.748	135.785.463.571	20.171.939.767	1.354.486.939.050
Số dư cuối kỳ	<u>472.246.305.964</u>	<u>726.283.229.748</u>	<u>135.785.463.571</u>	<u>20.171.939.767</u>	<u>1.354.486.939.050</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	436.360.239.195	577.899.149.347	103.553.979.425	19.196.173.145	1.137.009.541.112
- Khấu hao trong kỳ	2.772.555.780	21.007.954.572	3.337.317.305	338.253.246	27.456.080.903
Số dư cuối kỳ	<u>439.132.794.975</u>	<u>598.907.103.919</u>	<u>106.891.296.730</u>	<u>19.534.426.391</u>	<u>1.164.465.622.015</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	35.886.066.769	148.384.080.401	32.231.484.146	975.766.622	217.477.397.938
Tại ngày cuối kỳ	<u>33.113.510.989</u>	<u>127.376.125.829</u>	<u>28.894.166.841</u>	<u>637.513.376</u>	<u>190.021.317.035</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 957.948.503.079 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán và phần mềm khai thác với nguyên giá là 7.095.104.700 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 6.503.276.739 đồng, giá trị khấu hao trong kỳ là 143.333.334 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.235.104.700 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	1.387.930.896	1.077.868.467
Chi phí sửa chữa tài sản	67.042.199	268.168.802
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	365.168.703	640.311.570
	1.820.141.798	1.986.348.839
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp MP Đình Vũ (*)	24.508.846.966	24.890.803.024
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.970.602	38.610.701
	24.534.817.568	24.929.413.725

(*) Công ty đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.
Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 19a.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Bên liên quan	4.432.462.375	4.432.462.375	2.124.700.756	2.124.700.756
Công ty Cổ phần	4.318.245.895	4.318.245.895	1.895.368.676	1.895.368.676
Cảng Hải Phòng				
Công ty Cổ phần	84.240.000	84.240.000	101.196.000	101.196.000
Lai đất và Vận tải				
Cảng Hải Phòng				
Công ty TNHH	-	-	91.550.000	91.550.000
MTV Đào tạo kỹ				
thuật nghiệp vụ				
Cảng Hải Phòng				
Dịch vụ hàng hải	29.976.480	29.976.480	36.586.080	36.586.080
Phương Đông				
(ORIMAS) - Chi				
nhánh Công ty Cổ				
phần Đại lý Hàng				
hải Việt Nam				
Bên khác	8.843.215.483	8.843.215.483	12.298.876.442	12.298.876.442
Công ty TNHH	-	-	3.519.239.600	3.519.239.600
Xây dựng Chấn				
Nam				
Công ty Cổ	839.785.320	839.785.320	963.493.920	963.493.920
phần Vạn Xuân				
Công ty Cổ phần	1.767.384.360	1.767.384.360	1.832.239.440	1.832.239.440
Kinh doanh đầu tư				
và phát triển Hà				
Linh				
Công ty Cổ phần	634.608.000	634.608.000	1.202.688.000	1.202.688.000
Dịch vụ tàu biển				
Đình Vũ				
Phải trả nhà	5.601.437.803	5.601.437.803	4.781.215.482	4.781.215.482
cung cấp khác				
	13.275.677.858	13.275.677.858	14.423.577.198	14.423.577.198

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	681.742.955	8.221.556.347	7.861.133.663	-	1.042.165.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	15.648.415.669	33.149.855.012	15.648.415.669	-	33.149.855.012
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.786.551.799	14.504.632.639	14.927.193.680	-	1.363.990.758
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.000	3.650.313.000	3.650.313.000	-	1.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	18.116.711.423	59.529.356.998	42.090.056.012	-	35.556.012.409

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ trong kỳ là 5.677.353.662 đồng.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Cước dịch vụ viễn thông	26.150.830	27.037.262
- Chi phí tiền điện	-	159.554.284
- Phí dịch vụ thanh toán thẻ	36.752.512	-
- Chi phí phải trả khác	420.000	46.379.410
	63.323.342	232.970.956

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	567.929.526	262.914.518
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.925.158	12.905.158
- Cổ tức phải trả	41.935.999.350	1.810.869.350
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	540.633.228	4.994.696.272
	43.057.487.262	7.081.385.298

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định	11.528.709.737	21.702.000.000
+ <i>Dự phòng chi phí sửa chữa cần trục STS01</i>	<i>3.150.750.000</i>	<i>4.064.500.000</i>
+ <i>Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định khác</i>	<i>8.377.959.737</i>	<i>17.637.500.000</i>
- Dự phòng chi phí nạo vét trước bến	8.172.704.000	8.399.000.000
- Dự phòng quỹ tiền lương	-	18.100.000.000
	19.701.413.737	48.201.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	123.627.173.950	505.645.770.565	346.739.933.388	1.376.012.877.903
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	145.899.353.254	145.899.353.254
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(223.300.000.000)	(223.300.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(20.599.762.721)	20.599.762.721	-	-
Số dư cuối kỳ trước	400.000.000.000	103.027.411.229	526.245.533.286	269.339.286.642	1.298.612.231.157
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	103.027.411.229	526.245.533.286	459.664.755.398	1.488.937.699.913
Lãi trong kỳ này	-	-	-	131.607.927.624	131.607.927.624
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(361.488.000.000)	(361.488.000.000)
Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000	103.027.411.229	526.245.533.286	229.784.683.022	1.259.057.627.537

Theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	459.664.755.398
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,03	41.488.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 80% vốn điều lệ)	69,62	320.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	21,35	98.176.755.398

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	51,00	204.000.000.000	51,00	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	18,70	74.800.000.000	18,70	74.800.000.000
America LLC	8,42	33.681.100.000	8,03	32.116.100.000
Các cổ đông khác	21,88	87.518.900.000	22,27	89.083.900.000
	100	400.000.000.000	100	400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	1.810.869.350	101.764.939.350
- Cổ tức phải trả trong kỳ	320.000.000.000	180.000.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận kỳ trước	320.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(279.874.870.000)	(100.017.025.000)
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận kỳ trước	(279.874.870.000)	(100.017.025.000)
- Cổ tức còn phải trả cuối kỳ	41.935.999.350	181.747.914.350

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	526.245.533.286	526.245.533.286
	526.245.533.286	526.245.533.286

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Theo hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09 tháng 01 năm 2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty thuê khu đất tại phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m² với thời hạn thuê là 40 năm (từ ngày 19 tháng 08 năm 2002 đến ngày 19 tháng 08 năm 2042). Căn cứ quyết định số 4120/QĐ-CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm (từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020). Sau thời gian được miễn giảm tiền thuê đất, Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, Công ty được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp MP Đình Vũ với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền này như thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 12b.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	94.792,35	94.792,35
- Đồng Euro (EUR)	5,14	5,14

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Các khoản nợ được xử lý theo quy chế tài chính	1.786.179.934	1.786.179.934

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	306.888.681.278	341.804.237.391
	306.888.681.278	341.804.237.391
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	12.529.198.664	3.233.830.438

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	131.598.467.819	167.109.073.582
	131.598.467.819	167.109.073.582
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)		
Tổng giá trị mua vào:	10.590.532.477	32.852.084.250

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.825.937.384	13.328.198.269
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.005.367.113	5.882.504.401
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	(39.113.925)	185.455.408
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.920
	16.792.190.572	19.396.169.998

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.412.000	-
	274.412.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.681.500	10.881.143
Chi phí nhân công	17.764.868.138	22.121.929.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.338.905.237	1.132.219.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.043.268.946	8.931.357.270
	27.156.723.821	32.196.387.723

25 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	20.547.055.000
Tiền phạt thu được	88.320.000	-
Thu nhập khác	18.194.426	12.919.681
	106.514.426	20.559.974.681

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.757.782.636	182.445.065.216
Các khoản điều chỉnh tăng	1.054.855.668	900.869.111
- Chi phí không hợp lệ	335.023.893	468.950.000
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	719.831.775	431.919.111
Các khoản điều chỉnh giảm	(63.363.243)	(617.374.519)
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(63.363.243)	(617.374.519)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	165.749.275.061	182.728.559.808
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	33.149.855.012	36.545.711.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	15.648.415.669	11.317.503.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(15.648.415.669)	(26.560.520.422)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	33.149.855.012	21.302.694.896

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	131.607.927.624	145.899.353.254
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	131.607.927.624	145.899.353.254
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.290	3.647

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.130.031.110	7.520.845.326
Chi phí nhân công	64.413.113.027	76.978.003.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.452.599.319	29.882.293.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.260.363.044	72.698.597.844
Chi phí khác bằng tiền	15.773.497.140	12.225.721.164
	159.029.603.640	199.305.461.305

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	16.888.477.410	-	-	16.888.477.410
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.329.383.456	77.986.000	-	40.407.369.456
Các khoản cho vay	1.027.000.000.000	-	-	1.027.000.000.000
	1.084.217.860.866	77.986.000	-	1.084.295.846.866
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	27.127.499.399	-	-	27.127.499.399
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.318.640.141	92.986.000	-	101.411.626.141
Các khoản cho vay	1.147.000.000.000	-	-	1.147.000.000.000
	1.275.446.139.540	92.986.000	-	1.275.539.125.540

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	56.333.165.120	-	-	56.333.165.120
Chi phí phải trả	63.323.342	-	-	63.323.342
	56.396.488.462	-	-	56.396.488.462
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	21.504.962.496	-	-	21.504.962.496
Chi phí phải trả	232.970.956	-	-	232.970.956
	21.737.933.452	-	-	21.737.933.452

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ Cao	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Đông	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần HPH Logistics	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sân golf Chí Linh	Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty TNHH Một thành viên Supe Lân Apromaco Lào Cai	Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	Ông Chu Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Cảng Hải Phòng	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Việt Hải và ông Nguyễn Tiến Dũng
Công ty Cổ phần Vận tải container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	Cùng chung Trưởng Ban kiểm soát là bà Trần Thị Thanh Hải
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	12.529.198.664	3.233.830.438
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.524.201.584	1.282.271.746
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	1.012.406.366	684.503.634
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	133.630.000	631.505.000
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	7.536.945.898	9.000.000
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	260.955.000	423.948.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	118.490.058
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ Cao	20.795.000	44.290.000
Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	-	9.570.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại	-	1.110.000
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	31.875.000	22.520.000
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	-	6.622.000
Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam	2.390.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	2.002.773.151	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	1.666.665	-
Công ty Cổ phần HPH Logistics	1.560.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.590.532.477	32.852.084.250
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	9.677.185.477	30.955.791.917
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	598.000.000	980.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải	-	429.833.333
Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	141.279.000	148.799.000
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	174.068.000	117.996.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	-	219.664.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:	4.184.929.290	3.822.030.973
Ông Vũ Tuấn Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.294.258.362	1.008.968.482
Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	184.000.000	184.000.000
Ông Chu Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị	172.500.000	172.500.000
Ông Cao Văn Tĩnh - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	1.300.030.072	1.177.351.003
Ông Nguyễn Việt Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	172.500.000	172.500.000
Người quản lý và điều hành khác	1.061.640.856	1.106.711.488
Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát	356.500.000	356.500.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét. Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu do Công ty lập và chưa được soát xét do kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo phương pháp gián tiếp.


Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng


Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025